TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/**2023/HNGĐ – ST
Ngày: 09/3/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;
2/ Bà Đỗ Thị Ngoãn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 191/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Thân Văn V, sinh năm: 1976
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T*ại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thân Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, anh Thân Văn V thường xuyên có lời lẽ chửi bới, xúc phạm đến chị và gia đình chị. Anh Thân Văn V ghen tuông vô cớ nhiều lần đánh đập chị và có hành vi hăm dọa chị khiến chị sợ hãi khi chung sống với anh Thân Văn V. Nay vợ chồng tình cảm không còn, chị không muốn tiếp tục chung sống với anh Thân Văn V nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Thân Văn V.

Về con chung: Chị và anh Thân Văn V có hai con chung tên là Thân Văn S, sinh năm: 1999 và Thân Thị Mỹ L, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Thân Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Thân Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị B chung sống với nhau từ năm 1998 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống thì anh và chị Trần Thị B có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vả mọi việc trong cuộc sống nhưng không có việc xô xát, đánh nhau như chị Trần Thị B khai nhận. Hiện nay anh và chị Trần Thị B sống ly thân và thời gian vừa qua hai bên không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Trần Thị B yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị B có hai con chung tên là Thân Văn S, sinh năm: 1999 và Thân Thị Mỹ L, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị B và anh Thân Văn V.

Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Thân Văn V có hai con chung tên là Thân Văn S, sinh năm: 1999 và Thân Thị Mỹ L, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Thân Văn V (là bị đơn) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Thân Văn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B khai nhận anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Thân Văn V không thừa nhận lời khai của chị Trần Thị B, anh Thân Văn V khai nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 1998. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Anh Thân Văn V thừa nhận anh không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn (bút lục số 27). Theo nội dung của Công văn số 06/CV-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước thì: *"năm 1998 hiện không còn sổ bộ và hồ sơ lưu trữ. Từ năm 1999 đến năm 2005 thì không có tên của ông Thân Văn V và bà Trần Thị B trong sổ bộ lưu trữ tại địa phương".* Như vậy, lời khai của anh Thân Văn V về việc có đăng ký kết hôn không có cơ sở chấp nhận. Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng".* Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Thân Văn V không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn chị Trần Thị B: Theo lời khai của chị Trần Thị B và anh Thân Văn V đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Trần Thị B không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này"*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Thân Văn V khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Thân Văn S, sinh năm: 1999 và Thân Thị Mỹ L, sinh năm 2002. Lời khai của chị Trần Thị B và anh Thân Văn V phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Trần Thị B, anh Thân Văn V, Thân Văn S và Thân Thị Mỹ L đều xác Thân Văn S và Thân Thị Mỹ L đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thân Văn V và chị Trần Thị B.

2. Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Thân Văn V có 02 con chung tên là Thân Văn Sơn và Thân Thị Mỹ Lâm. Hai con đã thành niên có đủ khả năng nhận thức, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000652 ký ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong).*

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh